TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2024/DS-ST
Ngày: 31/5/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Vô
2. Bà Trần Nguyệt Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Nguyễn Thiên Kim – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5*:** Bà Trần Thị Hồng Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 186/2023/DSST ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Số B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Tấn L, sinh năm 1991

Địa chỉ: 657/18/1 Khu phố D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 240/GUQ-CN/PGD ngày 21/6/2023) (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Mã Hán K, sinh năm 1986

Địa chỉ cư trú cuối cùng: số A đường T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP S theo đơn khởi kiện và tại phiên họp có người đại theo ủy quyền trình bày:* Ngày 26/10/2020, khách hàng là ông Mã Hán K có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Mã Hán K, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ Tín dụng, ông Mã Hán K thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 145.696.120 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay ông Mã Hán K đã thanh toán cho Ngân hàng số 121.469.953 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông Mã Hán K vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Mã Hán K vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 10/08/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 25/05/2023, ông Mã Hán K còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc: 34.867.411 đồng

Lãi quá hạn: 13.009.136 đồng

Tổng cộng: 47.876.547 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông Mã Hán K có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên khách hàng vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Quý Toà giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

- Buộc ông Mã Hán K phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/5/2023 là 47.876.547 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn năm trăm bốn mươi bảy đồng), trong đó:

Nợ gốc: 34.867.411 đồng

Lãi quá hạn: 13.009.136 đồng

- Và ông Mã Hán K có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/5/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

** Bị đơn – ông Mã Hán K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến.*

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Theo bản tự khai ngày 31/5/2024, nguyên đơn có ông Phan Tấn L là người đại diện theo ủy quyền xác định yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Mã Hán K trả ngay một lần cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 31/5/2024 là 56.670.179 đồng (Năm mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ngàn một trăm bảy mươi chín đồng), bao gồm nợ gốc: 34.867.411 đồng (Ba mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi bảy ngàn bốn trăm mười một đồng) và nợ lãi quá hạn là 21.802.768 đồng (Hai mươi mốt triệu tám trăm lẻ hai ngàn bảy trăm sáu mươi tám đồng) tạm tính đến ngày 31/5/2024. Tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 01/6/2024 theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho đến khi bị đơn trả hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án. Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà hai bên đã xác lập và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn, do đó đối với yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc 34.867.411 đồng (Ba mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi bảy ngàn bốn trăm mười một đồng) và nợ lãi quá hạn là 21.802.768 đồng (Hai mươi mốt triệu tám trăm lẻ hai ngàn bảy trăm sáu mươi tám đồng) xét xử là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 01/6/2024 theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho đến khi bị đơn trả hết nợ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ phát sinh từ quan hệ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng xác lập giữa tổ chức tín dụng và cá nhân nên quan hệ tranh chấp trong

vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Theo kết quả xác minh của Công an P Quận E thể hiện ông Mã Hán K có Hộ khẩu thường trú tại số A T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thực tế cư trú tại địa phương, đã chuyển về địa chỉ 1 đường số A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2008. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh của Công an phường B, quận B xác định ông Mã Hán K không có đăng ký Hộ khẩu thường trú và không thực tế cư trú tại 1 đường số A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, cư ngụ ở đâu không rõ. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ nào khác của bị đơn, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, việc bị đơn thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho người khởi kiện biết được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Như vậy, có cơ sở để xác định nơi cư trú cuối cùng của bị đơn là nơi bị đơn đăng ký thường trú tại địa chỉ 1 T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt đối với đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[3] Về nội dung:

[3.1] Đối với yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc của nguyên đơn:

Nguyên đơn được phép hoạt động trong lĩnh vực tín dụng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0301103908 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp. Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được giao kết giữa hai bên có hình thức, nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 28/10/2020, đính kèm Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, tóm tắt sao kê, thông báo vi phạm Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng, bảng chi tiết tính lãi mà nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án có cơ sở để xác định bị đơn đã được nguyên đơn đồng ý thẻ tín dụng số 472074-5811, loại thẻ 1022-VS PAYwave Cre Classic (thẻ tín dụng quốc tế), hạn mức thẻ 30.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận về lãi suất, phí, phương thức thanh toán theo

những điều khoản quy định tại Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Quá trình sử dụng thẻ, bị đơn đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 145.696.120 đồng, tuy nhiên bị đơn chỉ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 121.469.953 đồng, trong đó tiền gốc là 110.828.709 đồng, tiền lãi là 10.641.244 đồng. Đến ngày 10/8/2022 bị đơn không thực hiện việc thanh toán, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, không thanh toán cho nguyên đơn tiền gốc và lãi. Ngày 10/08/2022, nguyên đơn chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 24.4 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của nguyên đơn.

Do vậy, xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay toàn bộ nợ gốc 34.867.411 đồng (Ba mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi bảy ngàn bốn trăm mười một đồng) là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi phát sinh: Đối với yêu cầu trả tiền lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 31/5/2024) là: 21.802.768 đồng và buộc bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP S. Hội đồng xét xử xét thấy:

Điều 24.4 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của nguyên đơn quy định như sau *"Khi vi phạm xảy ra, Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng S1 có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau:*

a) Tạm ngưng hoặc chấm dứt sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ dư nợ

b) Áp dụng lãi suất quá hạn đối với toạn bộ dư nợ theo quy định của S1".

Điều 1.24 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của nguyên đơn quy định *"Lãi suất: là mức lãi suất mà S1 áp dụng đối với các khoản cấp tín dụng thông qua hình thức phát hành thẻ bao gồm lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn. Lãi suất trong hạn là lãi suất được S1 công bố theo Biểu phí trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn".*

Theo Quyết định về việc bán hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S1 phát hành tại Việt Nam có hiệu lực từ ngày 15/8/20219 mà nguyên đơn áp dụng đối với thẻ tín dụng quốc tế là 2.4% - 2.6%/tháng.

Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 quy định như sau: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".*

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và các thông báo về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành của thẻ tín dụng quốc tế tại các thời kỳ xác định bị đơn

trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn. Xét trong quá trình thanh toán nợ cho Ngân hàng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Ngân hàng TMCP S đã chuyển toàn bộ khoản nợ của ông Mã Hán K sang nợ quá hạn kể từ ngày 10/8/2022 là phù hợp. Vì vậy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi quá hạn tính từ ngày 10/8/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 31/5/2024 với tổng số tiền 21.802.768 đồng là có cơ sở chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 01/6/2024 theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho đến khi bị đơn trả hết nợ.

[4] Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự: Trong vụ án này, nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu ai cùng với bị đơn thực hiện nghĩa vụ dân sự. Đối chiếu quy định pháp luật cũng với những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định số tiền bị đơn đã sử dụng phục vụ nhu cầu cá nhân nên không buộc ai phải cùng có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ của bị đơn.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể buộc bị đơn – ông Mã Hán K phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S nợ gốc là 34.867.411 đồng và nợ lãi phát sinh tính đến ngày 31/5/2024 là 21.802.768 đồng, tổng cộng là 56.670.179 đồng (Năm mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ngàn một trăm bảy mươi chín đồng).

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán theo quy định pháp luật; N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 37, 39, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP của Hội

đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đính chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S:

Buộc ông Mã Hán K phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 31/5/2024 là 56.670.179 đồng (Năm mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ngàn một trăm bảy mươi chín đồng), bao gồm: nợ gốc là 34.867.411 đồng (Ba mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi bảy ngàn, bốn trăm mười một đồng); nợ lãi quá hạn là 21.802.768 đồng (Hai mươi mốt triệu tám trăm lẻ hai ngàn bảy trăm sáu mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Mã Hán K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng đính kèm Bản Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S ngày 28/10/2020.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

Ông Mã Hán K phải chịu án phí 2.833.509 đồng (Hai triệu tám trăm ba mươi ba ngàn năm trăm lẻ chín đồng).

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.196.914 đồng (Một triệu một trăm chín mươi sáu ngàn chín trăm mươi bốn đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/0010883 ngày 25/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Bích Trâm